

PHẬT GIÁO CHAMPA QUA TƯ LIỆU BI KÝ

Tóm tắt: Trong diễn trình lịch sử của Champa đến nay vẫn còn hiện diện nhiều công trình liên quan đến kinh đô, quân sự, và nhất là những công trình liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo độc đáo. Nhưng rất tiếc, phần lớn những công trình này trải qua nhiều thăng trầm lịch sử đã bị hư hoại và một số đã trở thành phế tích. Từ những đền tháp hiện còn, và từ kết quả khai quật Khảo cổ học những năm đầu thế kỷ XX đến nay cho thấy, tín ngưỡng, tôn giáo Champa chủ yếu chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa, tôn giáo Ấn Độ cổ, đó là Bà la môn giáo và Phật giáo, song vẫn có những đặc trưng riêng. Tầng lớp vua quan, quý tộc một mặt, củng cố quyền lực bằng tôn giáo thể hiện qua nhiều công trình tôn giáo đồ sộ, mặt khác, họ cũng là tín đồ có niềm tin và thực hành tôn giáo. Trường hợp vua Indravarman II là tiêu biểu, và Phật giáo thời kỳ này được xem như là tôn giáo chủ lưu. Qua tư liệu bi ký, ở bài viết này, chúng tôi cố gắng tái hiện phần nào bức tranh Phật giáo Champa, nhất là thời kỳ vua Indravarman II thuộc vương triều Indrapura trị vì.

Từ khóa: Phật giáo, Phật giáo Champa, bi ký, vua Indravarman II

Dẫn nhập

Nhiều nghiên cứu về Champa thường từ cách tiếp cận Sử học và đã từng bước đem lại bức tranh đại cương về quá trình hình thành, phát triển và tàn lụi của một vương quốc Champa cổ. Tuy nhiên, còn nhiều tranh luận chưa nhận được sự đồng thuận từ các nhà nghiên cứu, bởi: “Những tranh luận này lại bắt nguồn từ ba nhóm tư liệu chính: các bi

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXHVN.

Bài viết là một phần sản phẩm nghiên cứu của đề tài cấp Bộ (2023-2024) về “**Phật giáo trong lịch sử dân tộc Chăm ở Việt Nam**” do TS Nguyễn Văn Quý là chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.

Ngày nhận bài: 14/5/2024; Ngày biên tập: 21/5/2024; Duyệt đăng: 18/6/2024.

ký viết bằng chữ Phạn và chữ Chăm cổ; các biên niên sử của Trung Hoa và Việt Nam có đề cập đến Champa; các thư tịch cổ bằng giấy hoặc lá buông của người Chăm viết bằng chữ Chăm đương đại được lưu giữ trong các gia đình người Chăm hoặc được lưu trữ tại các bảo tàng thư viện trong và ngoài nước” [Đồng Thành Danh, 2023: 9]. Thế hệ học giả đầu tiên nghiên cứu về lịch sử, văn hoá Champa như Étienne Aymonier, Emmanuel Durand, Louis Finot, Georger Maspero, Dohamid,... có nhiều tranh luận về: Champa như một vương quốc với một triều đình duy nhất, hay Champa như là quốc gia liên bang. Dẫu nhận được nhiều sự đồng thuận về Champa như là một quốc gia liên bang gồm nhiều tiểu vương quốc, song tranh luận vẫn chưa dứt về Champa có thể chế liên bang/liên hiệp ra sao, mỗi tiểu quốc được hình thành, vận hành, liên kết như thế nào trong liên bang Champa.

Từ nhiều cách tiếp cận khác nhau như Khảo cổ học, Văn hoá học, Tôn giáo học, các nhà nghiên cứu trong nước như Lương Ninh, Trần Quốc Vượng, Lâm Thị Mỹ Dung, Ngô Văn Doanh, Trần Kỳ Phương, Nguyễn Hữu Thông, Đỗ Trường Giang, Nguyễn Hữu Mạnh, Đồng Thành Danh cũng có những giải đáp phần nào về vương quốc cổ Champa, như: tiền đề lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ cơ bản và nhu cầu của người Chăm thống nhất để phát triển, nhu cầu phòng vệ hay thôn tính các vùng đất mới,... dẫn đến sự hình thành các nhà nước ở duyên hải miền Trung (Việt Nam). Song, có phải nhà nước Champa kế thừa từ nhà nước Lâm Ấp, Hoàn Vương, Tây Đồ,... hay đó là những nhà nước riêng khác nhau?

Luận điểm được đa số nhà nghiên cứu tán thành, đó là Champa có thể chế chính trị (hay một nhà nước) liên bang, bao gồm nhiều tiểu vương quốc, có những đặc trưng riêng khác với thể chế quân chủ tập quyền của Đại Việt và Trung Quốc. Nhà nước liên bang Champa là sự tập hợp ít nhất của năm tiểu vương quốc: 1. Indrapura (nay thuộc vùng Quảng Bình và Quảng Trị); 2. Amaravati (nay thuộc vùng Thừa Thiên Huế và Quảng Nam); 3. Vijaya (nay thuộc vùng Quảng Ngãi và Bình Định); 4. Kauthara (nay thuộc vùng Phú Yên và Khánh Hòa); và 5. Panduranga (nay thuộc Ninh Thuận và Bình Thuận). Ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, tiểu vương quốc nào nổi trội nắm giữ được vai trò quan

trọng thì vị vua của tiểu quốc đó đồng thời nắm quyền toàn liên bang, gọi là Rajadhiraja – vua của các vị vua.

Về tín ngưỡng, tôn giáo, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra sự ảnh hưởng của nhiều tín ngưỡng, tôn giáo (từ Ấn Độ, Chân Lạp, Angkor, và cả từ Trung Quốc) đến quá trình hình thành, phát triển và suy vong của nhà nước Champa,... trong đó, Bàlamôn giáo và Phật giáo có ảnh hưởng rất sâu đậm đến đời sống xã hội Champa. Trong số hai tôn giáo hiện diện sớm trong tiến trình lịch sử, văn hoá Champa, nếu như Bàlamôn giáo mang tính xuyên suốt thì Phật giáo lại phát triển rực rỡ ở vương triều Indrapura rồi lụi tàn không lâu sau đó. Các kết quả Khảo cổ học ở những công trình đền tháp, tự viện của Champa trong các thập kỷ gần đây càng minh chứng cho điều này.

Nghiên cứu về Phật giáo trong lịch sử Champa qua bi ký là nguồn tư liệu cổ quý giá, có thể cho chúng ta hiểu rõ hơn về niềm tin, thực hành Phật giáo của nhà nước Champa và người dân. Bài nghiên cứu này với hướng tiếp cận Tôn giáo học, sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp nhằm thu thập, tổng hợp kết quả nghiên cứu đi trước để phân tích bức tranh Phật giáo trong tiến trình lịch sử Champa, nhất là thời kỳ vua Indravarman II trị vì.

1. Phật giáo Champa: quá trình xuất hiện và bi ký liên quan

1.1. Vài nét về quá trình xuất hiện Phật giáo ở Champa

Từ trước Công nguyên, người Ấn Độ đã có hoạt động thương mại, trao đổi hàng hoá với người La Mã, và với cả Đông Nam Á. Đi cùng với những thương nhân trong những hải trình dài ngày là một số tu sĩ Bàlamôn giáo và tăng sĩ Phật giáo. Họ có nhiệm vụ thực hành các nghi lễ tôn giáo nhằm mục đích cầu an, cầu may cho thủy thủ đoàn; đồng thời, họ cũng là những người đưa tôn giáo của mình đến những nơi mà đoàn thương gia lưu trú dài ngày để trao đổi hàng hoá và chờ gió mùa thuận lợi để trở về: “Vào khoảng nửa đầu thế kỷ I công nguyên chắc chắn có cuộc tiếp xúc giữa những người mang văn hoá Ấn Độ với những người bản địa Bắc – Trung – Nam nước ta lúc bấy giờ. Nhiều tu sĩ đến tu và truyền giáo ở nước ta, đó là cơ sở hình thành một lớp văn minh Phật giáo – Bàlamôn giáo đầu tiên” [Nguyễn Duy Hinh, 1988: 72-83].

Theo thống kê ban đầu, Khảo cổ học về "lớp văn minh Phật giáo" Champa, hiện có đến 22 địa điểm có dấu chân thần - một trong những dấu hiệu quan trọng cho biết về sự hiện diện của Phật giáo từ những năm đầu Công nguyên ở nước ta. Trong đó, trên địa bàn miền Trung Việt Nam ít nhất có ba địa điểm là: Hương Ân (Bình Thuận), núi Đại Điểm và hòn San Hô (Bình Định). Hiện nay đã phát hiện thêm một dấu chân ở cửa biển Sa Kỳ (Quảng Nam). Dấu chân Phật vốn phổ biến ở Ấn Độ từ trước Công nguyên, rồi qua con đường thương mại lan toả sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Ở miền Trung Việt Nam, theo "sử liệu và truyền thuyết, Kauthara, ngoài là một trung tâm giao thương với các nước láng giềng từ đầu Công nguyên, còn là địa điểm đầu tiên Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang, trở thành một trung tâm Phật giáo phồn thịnh và ảnh hưởng mạnh mẽ tới các trung tâm Phật giáo Champa nổi tiếng sau này như Inrapura, Amaravati" [Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57]. Có thể, Phật giáo cùng Bàlamôn giáo hiện diện ở Champa từ những năm đầu Công nguyên và Phật giáo có sự phát triển thịnh vượng dưới triều vua Indravarman II tại kinh đô Indrapura cuối thế kỷ IX đến thế kỷ X. Tuy nhiên, sự hiện diện rõ ràng của Phật giáo ở Champa phải từ thế kỷ thứ IV sau Công nguyên. Từ thế kỷ IV đến thế kỷ VII là thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) phổ biến. Điều này được ghi chép bởi một nhà sư Trung Quốc, là Nghĩa Tịnh đến Champa tu học, hoằng pháp trong khoảng thời gian từ năm 671 đến năm 695. Nhà sư Nghĩa Tịnh cho biết Phật giáo ở Champa lúc này chủ yếu là hệ phái Chính lượng bộ (Aryasammitiya) và Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada). Song, ông không cho biết gì về Phật giáo Đại thừa (Mahayana) trong thời gian này, hoặc lúc này Phật giáo Đại thừa chưa hiện diện ở Champa chăng!.

Tuy nhiên, từ thế kỷ VIII, nhất là trong thời gian vua Indravarman II trị vì, Phật giáo Đại thừa phát triển, Kim Cương thừa (Vajrayana) chiếm ưu thế ở Champa. Lúc này, chính quyền Champa chú trọng phát triển thương mại đường biển hơn thời kỳ trước, nhiều cảng thị được mở và dần trở thành những trung tâm thương mại quan trọng. Những cảng thị này là nơi dừng chân của các thương gia và các nhà

truyền giáo người Ấn Độ, Trung Quốc,... Các tăng sĩ Trung Quốc thường lựa chọn đến Champa để học chữ Phạn (Sanskrit) trong thời gian đợi gió mùa thuận lợi cho hải trình đến Ấn Độ, Srilanka,... tu học Phật giáo rồi trở về Champa hoặc nơi mình xuất phát [Trần Kỳ Phương, 2004].

Nhìn chung, trên phương diện tôn giáo, với hai tôn giáo chính hiện diện ở Champa là Bàlamôn giáo và Phật giáo thì các vị thần, Phật, Bồ tát đều được chính quyền và người dân Champa tôn thờ. Bàlamôn giáo tôn thờ Đấng Brahma (thần Sáng tạo), Đấng Visnu (thần Bảo tồn), Đấng Shiva (thần Hủy diệt và Tái tạo)..., trong đó Đấng Shiva được tôn thờ nhiều hơn cả. Còn Phật giáo tôn thờ Đức Phật, Bồ tát,... trong đó Bồ tát Quán Thế Âm là nổi trội,... Nhưng, người Champa còn tôn thờ cả Bà chúa xứ Po Yan Inur Nagar. Như thế, trong quá trình hội nhập, các vị thần Bàlamôn giáo, các vị thánh của Phật giáo đã dung hợp với tín ngưỡng bản địa của người Champa. Nghĩa là, Champa hóa các vị thần của Bàlamôn giáo và Phật giáo, nhưng thể hiện đặc trưng của riêng Champa, như trường hợp tôn thờ nữ thần Po Inur Nugar mang nhiều tính nữ của thần Uma (vợ thần Shiva) [Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57].

1.2. Một số bi ký liên quan Phật giáo Champa

Trong lịch sử, lãnh thổ Champa có thời kỳ trải dài từ Đèo Ngang tỉnh Quảng Bình đến Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (ngày nay). Song, lãnh thổ Champa luôn có sự dịch chuyển cương vực theo từng bối cảnh lịch sử khác nhau, đặc biệt, quan hệ bang giao hữu hảo hay đối nghịch với các nước lân bang như Đại Việt hay Chân Lạp, mà có thời kỳ thì thu hẹp hoặc có thời kỳ lại được mở rộng,... Trải qua mỗi thời kỳ, đền tháp, tự viện luôn được chính quyền và người dân Champa liên tục xây dựng trên khắp đất nước, nhưng nhiều hơn cả ở vùng Panduranga, Vijaya, Amaravati, Indrapura,... cho thấy tính liên tục của nhu cầu củng cố chính quyền và tín ngưỡng của tầng lớp vua quan, quý tộc cũng như người dân. Đến nay, nhiều công trình đền tháp, tự viện, với nhiều tác phẩm điêu khắc, bi ký Champa có giá trị đã bị mai một nhiều. Thậm chí, một số đền tháp bị hư hoại nặng, một số chỉ còn là phế tích, trong đó có Phật viện Đồng Dương.

Bàlamôn giáo là tôn giáo tồn tại xuyên suốt nhiều thế kỷ ở Champa, thậm chí ngay cả lúc Phật giáo thịnh vượng thời vua Indravarman II trị vì. Tiêu biểu là sự hiện diện của nhiều đền tháp thờ Đấng Shiva. Phật giáo tuy không kéo dài liên tục như Bàlamôn giáo, song lại có một thời kỳ phát triển huy hoàng trong giai đoạn vua Indravarman II trị vì, nên cũng có nhiều bi ký ghi chép về Phật giáo. Gần đây mới tìm thêm được một số bi ký liên quan đến Phật giáo, tuy bị vỡ, chữ bị mờ, song vẫn là nguồn tư liệu Khảo cổ học quý giá về Phật giáo trong lịch sử dân tộc Champa,... Nếu bi ký ở miền Bắc Việt Nam phần lớn được viết bằng chữ Hán Nôm vì chịu ảnh hưởng văn hóa Hán, thì bi ký ở Champa được viết bằng chữ Phạn (Sanskrit) do chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Nhiều bi ký quan trọng của Champa đã được dịch, cho chúng ta hình dung được phần nào Phật giáo trong lịch sử Champa, dưới thời kỳ vua Indravarman II trị vì là tiêu biểu nhất.

Theo thống kê trước đây, trong số 128 bi ký được tìm thấy thì, có đến 92 bi ký liên quan đến thần Shiva, năm bi ký đề cập đến thần Brahma; ba bi ký đề cập đến thần Visnu, bảy bi ký đề cập đến Phật giáo, vẫn còn 21 bi ký chưa xác định rõ [Phan Xuân Biên, 1991:278]. Theo một khảo cứu gần đây của Nguyễn Hữu Mạnh, có 14 bi ký liên quan đến Phật giáo Champa [Nguyễn Hữu Mạnh, Mai Bùi Diệu Linh, 2019:710-711], song số lượng bi ký về Phật giáo Champa có thể lớn hơn con số 14, bởi vì còn một số bi ký đã được đề cập trong các công trình nghiên cứu khác và cả những bi ký chưa được phát hiện.

Nhìn chung, số lượng bi ký về Phật giáo chiếm tỷ lệ không lớn so với số lượng bi ký về Bàlamôn giáo (Shiva giáo), nhưng có những bi ký quan trọng ghi chép về Phật giáo như các bi ký Võ Cạnh (Khánh Hòa), Đồng Dương (Quảng Nam), Nhan Biều (Quảng Trị), Đại Hữu (Quảng Bình),... Đáng chú ý hơn nữa, mật độ phân bố các bi ký Phật giáo Champa đã phát hiện tại nhiều tỉnh thành ở miền Trung Việt Nam hiện nay cho thấy, Phật giáo hiện diện hầu khắp trên lãnh thổ Champa trước, trong và sau thời vua Indravarman II trị vì. Ngoài trung tâm Phật giáo ở kinh đô Indrapura, còn nhiều trung tâm Phật giáo nữa, theo thống kê bi ký Champa của Nguyễn Hữu Mạnh ở bảng dưới:

Bảng: Các bi ký Phật giáo Champa ở miền Trung Việt Nam

Stt	Số định danh	Tên bi ký	Yếu tố Phật giáo	Niên đại	Người bảo trợ	Tỉnh
1	C.23	Bakul	Jina	829	Samanta, Sthavira Buddhānirvāṇa	Ninh Thuận
2	C.66	Đồng Dương	Lakṣmīdra-Lokeśvara, Lokeś, Avalokiteśvara, Dharma, Nirvāṇa	875	Indravarman II	Quảng Nam
3	C.138	An Thái	Pramuditālokeśvara, Avalokiteśva, Lokeśvara, Lokanātha	902	Bhadravarman II Indravarman II	Quảng Nam
4	C.149	Nhan Biều	Avalokiteśvara	911	Po Klun Pilih Rajadvara, Sukrti Po Klu Dharmapatha	Quảng Trị
5	C.167	Kon Klor	Mahindralokeśvara	916/917	Mahindravarman	Kom Tum
6	C.38E	Po Nagar	Buddhist philosophy	918		Khánh Hòa
7	C.171	Đại Hữu	Ratnalokeśvara	898-903	Jaya Simhavarman I	Quảng Bình
8	C.89	Mỹ Sơn	Indralokeśvara, Paramabodhisattva	1088		Quảng Nam
9	C.100	Mỹ Sơn	Buddha	1157	Jaya Harivarman I	Quảng Nam
10	C.92	Mỹ Sơn	Buddha Lokeśvara, Jaya Indralokeśvara, Buddhaloka Buddhist Mahāyāna philosophy	1170	Jaya Indravarman	Quảng Nam
11	C.55	Kim Ngọc	Buddha	1275/1276	Vua của gia đình Kṣatriya	Bình Định
12	C.134	Khánh Thọ Đông	Ye dharma			Quảng Nam
13	C.150	Rón	Avalokiteśvara		Một vị vua (tên đã mất)	Quảng Bình
14	C.52	Kim Châu	Lingālokeśvara, Jinalokeśvara		Jaya Paramēśvaravarman II	Bình Định

[Nguyễn Hữu Mạnh, Mai Bùi Diệu Linh, 2019: 718]

Theo thống kê trên, bi ký sớm nhất có niên đại 829, ký hiệu C.23 ở Ninh Thuận; bi ký có niên đại muộn nhất có thể là 1275/1276, ký hiệu C.55 ở Bình Định; và ba bi ký chưa xác định được niên đại. Qua đó có thể thấy, Phật giáo hiện diện ở Champa rõ ràng từ thế kỷ IV cho đến thế kỷ XII, và phát triển thịnh vượng nhất vào cuối thế kỷ IX đến nửa đầu thế kỷ X. Không khó để nhận ra, phần lớn các bi ký này đều đề cập đến Đức Phật, tiêu biểu hơn là các vị Bồ tát. Có nghĩa là Phật giáo Đại thừa chiếm ưu thế hơn Phật giáo Nguyên thủy, thậm chí có vai trò quan trọng hơn cả Bà la môn giáo trong niềm tin và thực hành của chính quyền và dân Champa lúc bấy giờ. Bởi vì người bảo trợ cho việc xây dựng tự viện Phật giáo cũng như thực hành nghi lễ Phật giáo chính là các vị vua, quan, quý tộc Champa. Có thể nói, Phật giáo Champa phát triển thịnh vượng và có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần của người dân, đồng thời còn thu hút nhiều tín đồ Phật giáo ở các nước lân bang đến chiêm bái, thực hành.

2. Một số nội dung về Phật giáo thể hiện qua các bi ký

2.1. Sùng mộ Phật giáo Đại thừa, mẫu hình Phật và Bồ tát qua bi ký

Bi ký Võ Cạnh¹ được tìm thấy tại làng Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa (ngày nay), có niên đại cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III sau Công nguyên (quan điểm của Abel Bergaigne) hay thế kỷ IV-V (quan điểm của Ahmad Hanas Dani),... và được nhiều học giả nghiên cứu về nguồn gốc, niên đại, chữ viết trên bi ký này.

G. Maspero khi nghiên cứu bi ký Võ Cạnh cho rằng, chữ Phạn được viết đúng cách cho thấy họ chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ. Mặc dù, nội dung bi ký "nhằm ca ngợi nhà vua Sri Mara, dòng tộc của ông cũng như hậu duệ của ông – những người đã cho dựng lên tấm bi này"[Đồng Thành Danh, 2023:163-164], song bi ký đã cho biết khá rõ về sự sùng mộ Phật giáo của chính quyền [L. Finot, tập XV: 2-3]: “Đối với chúng sinh... hãy uống như người ta uống nước cam lồ... lời nói đầy nhân hậu với chúng sinh... ngài cảm thấy sự sắc không”; “Lòng thương xót chúng sinh, vì cuộc đời là trầm luân trong vòng sinh tử,... do đó, vì lợi ích của dân chúng mà vị vua đã ban của cải của mình,...” [Lê Trọng Khánh, 1993: 304] hay như L. Finot cho rằng: “... ý nghĩ cho rằng trên trần thế này là không vĩnh cửu; ý nghĩ về hoá hết

kiếp này sang kiếp khác, lòng thương chúng sinh, sự hy sinh của cải của mình cho lợi ích người khác, tất cả những cái đó chứng tỏ lòng khoan đại của vị hậu duệ của Crimara và có khuynh hướng rõ rệt về đạo Phật; ta không thể không kết luận được rằng, ông vua đó thuyết pháp Đạo giáo của đấng đại từ bi" [L. Finot, tập XV: 2-3]. George Coedès khi nghiên cứu bi ký Võ Cạnh còn cho rằng, vào thế kỷ III sau Công nguyên, Phật giáo là tôn giáo chủ đạo ở quanh khu vực Nha Trang [Quảng Văn Sơn, 2014: 46-57]. Nhà nghiên cứu Đồng Thanh Danh cho rằng: "... việc lý giải các thuật ngữ và nội dung trong bi ký Võ Cạnh còn đem đến cuộc tranh luận xoay quanh cảm hứng tôn giáo mà từ đó bi ký này được dựng lên. Dựa vào các thuật ngữ "prajanam karuna" (chúng sinh), "gatagati" (vô thường) được nhắc đến trong bi ký, Louis Finot đã nhận được sự ủng hộ của Kalyan Kumar Sarka và Kamaleswar Bhattacharya" [Đồng Thành Danh, 2023: 166].

Theo Georges Maspero, vua Sri Mara, (tức Khu Liên) – vị vua đầu tiên của nhà nước Lâm Ấp, còn theo George Coedès nhận định, vị vua này chính là vua Fan Shiman của nhà nước Phù Nam. Tuy nhiên, Thông Thanh Khánh trên cơ sở Phật học đã lý giải Sri Mara là tên gọi một bộ kinh Phật giáo Đại thừa, đó là *Thắng man sư tử hống nhất thừa đại phương tiện phương quảng kinh* (Srimara-simhanada-sutra). Như vậy, bi ký Võ Cạnh có liên quan đến Phật giáo.

Bi ký Đồng Dương I, nội dung mặt B cho biết khá nhiều về niềm tin của người Champa đối với Phật giáo: "IV. Và đấng Lokeshvara tối thượng và kiệt xuất, bắt nguồn từ sự kế tiếp của các Phật, khi làm điều đó, liệu ta có thể góp phần vào sự siêu thoát của chúng sinh chăng?"; "VIII. Những người kiệt sức vì đau khổ, một số bị giáng xuống địa ngục ngày đêm không những khao khát được Người đoái trông, cũng như những người cháy bỏng vì khát vì mặt trời thiêu đốt, khao khát có nước mát, cũng như những người bị vùi dập trên trần thế này bởi muôn vàn bất hạnh, họ khao khát được thấy người" [Cao Quang Tổng, 2021: 224-225]. Bản dịch bi ký Đồng Dương I của Louis Finot năm 1904, ở mặt B, dòng X có đoạn đề cao Bàlamôn giáo và Phật giáo: "Chùng nào đấng Indra vẫn còn ngự trị nơi thiên giới bằng đạo pháp và sự hy sinh, chùng nào đại dương sâu thẳm vẫn còn giữ nước của

các dòng sông, chừng nào gió vẫn thổi, Trái Đất, Mặt Trăng, Mặt Trời vẫn còn tồn tại, và, bầu trời còn cả những vì sao, khi ấy, Đức vua sùng đạo nơi đây vẫn còn giữ mãi đạo hạnh và trách nhiệm dẫn dắt mọi người đến với cõi Phật" [Louis Finot, 1904: 93].

Nội dung bi ký An Thái (Quảng Nam) do Hòa thượng Sthavira Nagapuspa, Viện trưởng Phật viện Pramadita - Lokesvara soạn năm 902 còn cho biết sự sùng kính Phật và Bồ tát của người Champa. Đó là Phật viện Pramadita - Lokesvara do vua Bhadravarman II xây dựng nhằm tôn vinh, ngợi ca Quán Thế Âm Bồ tát (Avalokitesvara) xuất hiện trên đời như một đấng đại từ bi cứu vớt cả những người phạm tội thoát khỏi địa ngục để Vajrapani đưa họ đến với Phật. Cũng với nội dung ca ngợi và sự tôn kính Bồ tát Lokesvara được thể hiện trong bi ký Nhan Biều (Quảng Trị) niên đại năm 911 và bi ký Kon Klor (Kom Tum) niên đại năm 916/917 cho biết về một tự viện Mahindra – Lokesvara được xây dựng để triều đình và người dân kính ngưỡng Bồ tát Lokesvara.

2.2. Cúng dường xây dựng cơ sở thờ tự Phật giáo và quyền lực chính trị qua bi ký

Bi ký Bakul (Ninh Thuận), niên đại 829 do Sthavira Buddhanirvana - con một vị thượng thư đời vua Vikratavarman III, lập bia khi ông xây hai tự viện và hai ngôi đền thờ Phật và thần Shiva. Điều này cho thấy, Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến niềm tin và thực hành của triều đình và người dân Panduranga. Ninh Thuận có thể là một trung tâm Phật giáo sau trung tâm Nha Trang (thể hiện ở bi ký Võ Cạnh).

Bi ký Đại Hữu (Quảng Bình) niên đại 898-903 ghi việc vua Jaya Simhavarman hưng công xây dựng đền thờ Ratnalokesvara [Phan Xuân Biên, 1991: 279]. Nội dung bi ký Ròn (Quảng Bình), niên đại khoảng thế kỷ IX – X có đoạn ghi về việc cúng dường đất đai cho một tự viện để thờ phụng Bồ tát Quán Thế Âm với niềm tin: “Tôn kính thần Sri Damaresvara. Những cánh đồng Til - vit, Par, Tradvad... - tất cả những khu đất này là do vị vua hùng mạnh Sri... dâng cúng cho tu viện... Ngài là người có... là người đã hủy diệt...”. Nhà nghiên cứu R. C. Majumdar cho rằng, thần Sri Damaresvara, là một trong nhiều

danh hiệu của Bồ tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara), nhưng có nguồn gốc từ thần Shiva [R. C. Majumdar, 1976: 225 – 226]. Nội dung này cũng thể hiện trong bi ký Nham Biểu (Quảng Bình), không chỉ ghi lại sự tôn kính Bồ tát Avalokitesvara mà còn cho biết người bảo trợ là một vị quan tên là Po Klun Rajadvara đã phục vụ vương triều Indrapura suốt bốn đời vua, từ vua Jaya Simhavarman, Jaya Saktivarman, Bhadravarman II và Indravarman III. Và các vị vua này đều đã nhiều lần cúng dường cho các tự viện Phật giáo.

Tiêu biểu hơn cả là bi ký Đồng Dương II cho biết nhiều thông tin quan trọng về vị vua đầu tiên của vương triều Indrapura. Ngay sau khi lên ngôi, ông đã quyết định dời đô từ phía Nam ra phía Bắc và đặt tên kinh đô là Indrapura: “Thành phố có tên Campa, toà thành được trang hoàng bằng tất cả sự giàu sang của Indrapura (đô thành của thần Indra), được làm đẹp lên bởi đoá sen trắng và được tô điểm bằng những bông sen tuyệt hảo, đã được Bhgu lập nên từ những ngày xa xưa và còn giữ lại được sự thịnh vượng vô song” [Ngô Văn Doanh, 2015:11]. Trong "đô thành của thần Indra", vua Indarvarman II đã dựng một ngôi đền và một Phật viện (Vihra). Điều này, phản ánh sự tôn sùng Bàlamôn giáo và Phật giáo, nhưng đề cao Phật giáo hơn Bàlamôn giáo của nhà vua: “Vua Sry Jaya Indravarman Maharajadhiraja, người trở thành vua Champa nhờ kết quả của những công trạng riêng tích tụ lại được từ những việc tu hành khổ hạnh của nhiều kiếp trước...” [Ngô Văn Doanh, 2002: 266; L. Finot, 1901: 12-26], và trong một đoạn khác ghi: “Tất cả những cánh đồng này đức vua dâng cho Lokesa. Giờ đây vua Sri Indravarman đã dâng những cánh đồng này cùng hoa lợi, các nô lệ nam và nữ, các vật dụng khác như vàng, bạc, đồng, sắt... cho Sri Laksmindra - Lokesvara, để tăng đoàn sử dụng và để tuyên truyền đạo Pháp (Dharma)” [Ngô Văn Doanh, 2015: 11]. Ở mặt C của bi ký Đồng Dương I ghi rõ: "I. Để tôn vinh Đạo Pháp [tôi] đã lập một tu viện, được miễn mọi thuế nhà vua, để công xã tăng nhân được hưởng lợi. II. Tôi đặt ở đây mọi phương tiện sinh hoạt cho xã tăng nhân tiện dùng, vì lợi ích chúng sinh. III. Không phải vì lợi ích của đức vua, không phải nhằm tăng diện thuế mà chính là vì lợi ích của công xã tăng nhân mà tu viện này được lập ra vĩnh viễn. IV. Cầu cho những ai giữ gìn được của cải các tăng nhân

- các vị Bà la môn thông tuệ, các ẩn sĩ, hoàng tộc... sẽ cùng cha mẹ lên được cõi siêu thoát không gì sánh được của nhà Phật; còn những kẻ chiếm đoạt phá hoại thì sẽ rơi xuống hỏa ngục khủng khiếp", hay đoạn khác: "VIII. Còn những ai nghe lời tôi giữ gìn của cải này - đồng ruộng, vàng, bạc, đồng - dành cho công xã sử dụng sẽ được đến cõi Phật cùng với tất cả gia nhân của mình" [Cao Quang Tổng, 2021: 227]. Ở mặt D, bi ký Đồng Dương I đã liệt kê tất cả các thửa ruộng do vua Indravarman II dâng cúng cho bồ tát Laksmindra Lokitesvara. Bi ký Bồ Mung có đoạn nói về vua Indravarman II với tấm lòng tôn kính của mình hướng tới Lokesvara và việc vua tiến cúng đất đai cho một tu viện Phật giáo: "Sri Jaya Indravarman, người am tường kinh sách và cách ứng xử, đã dâng hiến một cánh ruộng cùng những tô cho Sri Mahalingadeva", hay "Đức vua Jaya Indravarman đã hiến đồ dâng cho thần Mahalinga để dành chi tiêu trong các việc thờ phụng".

Georges Maspero nhận xét về vấn đề này như sau: "Indravarman là một người rất sùng mộ đạo Phật... nhưng đặc biệt là những đồ cúng được dâng lên cho Phật gọi là Cri Laksmindralokecvara" [Georges Maspero, 2020: 189], và ông còn cho biết thêm: "Và chẳng, chính nhờ một người bạn của bố ông là Sthavira Nagapuspa mà chúng ta có tấm bia đầu tiên về đạo Phật (40) được tìm thấy ở Champa. Huber đã dịch tấm bia này và nhận xét rằng: "Bia này cho ta thấy một đạo Phật giống như đạo Phật mà tất cả các tài liệu hầu như cùng thời cho ta biết ở Java, Cao Miên và ở Trung Quốc" [Georges Maspero, 2020:190].

Bi ký Bồ Mung còn ghi chép về vị tân vương Jaya Simhavarman dâng cúng đất đai cúng thần Phật: "Sri Jaya Simhavarman, vua Campa, vua của các vua, người có uy lực và tiếng tăm không ai sánh được, người mà hạnh vận, trí tuệ và sức mạnh lan tỏa tới các đất đai khác, đã làm công việc ngoan đạo này cho thần của các thần. Ngài, con người của hạnh vận, đã dâng Mukti (có thể là đất đai) và một là cờ phướn màu trắng cho Sri Mahalingadeva, nơi ẩn náu của tất cả mọi vật trên thế giới này" [Ngô Văn Doanh, 2015: 12].

Bi ký Bàn Lanh cho biết về vua Jaya Simhavarman cúng tiến cho hai đền thờ bằng việc miễn tất cả thuế khóa. Bi ký Châu Sa niên đại 903 có bốn mặt khắc chữ Champa nói về cuộc đời của hai vị vua đầu

tiên của triều Indrapura (875-982). Nội dung bi ký này cho biết về việc tượng thần Sankaresa được vua Sri Jaya Simhavarman dâng cúng ba chiếc tù và, cùng một bình bằng bạc cho thần Sri Sankara. Hay trong một bi ký phát hiện tại khu đền tháp Hà Trung (Do Châu - Do Linh) cho biết ngôi đền Indrakantecvara được hoàng hậu Tribhuvanadevi cúng dường xây dựng năm 916 thời vua Indravarman: “Vào năm Saka mà đức vua biểu thị bằng "kàya - Angi - Magal" (năm 838 Saka, tức năm 916)... Trong thời trị vì của đức vua Indravarman lòng lầy, Hoàng hậu Tribhuvanadevi thanh khiết đã đặt tượng Indrakantevara vì lòng mộ đạo. Ngôi đền thiêng này sẽ mãi mãi phù trợ và ban phước lành cho Tribhuvanadevi” [RC. Majumdar, 1985: 137 – 138], cho thấy vị vua này chịu ảnh hưởng rất sâu đậm và có niềm tin sâu sắc vào tư tưởng, triết lý Phật giáo nên đã cho xây dựng Phật viện để tín đồ thực hành. Phật viện đã trở thành một trung tâm Phật giáo lớn, nơi hoằng pháp, đào tạo nguồn nhân lực cho Phật giáo Champa, và là nơi nhiều tăng sĩ trong và ngoài nước đến chiêm bái, tu học Phật pháp.

Qua các bi ký có thể thấy hình tượng Bồ tát (Lokesvara) có vai trò đặc biệt quan trọng trong niềm tin và thực hành Phật giáo của chính quyền và người dân Champa. Nội dung bi ký còn phản ánh Phật giáo và Bàlamôn giáo đều được chính quyền tiếp nhận nhằm củng cố quyền lực chính trị: “Tất cả các vị vua trị vì ở nước Campa thịnh vượng và trở thành nổi danh trên thế giới này là nhờ thần tối thượng Bhadresvara tạo ra ở nơi ấy tính chất của sự trường tồn và quyền lực tối cao, và cũng là nhờ phép tắc tốt lành của Uroja. Từ người con trai (hoặc dòng tộc) của Paramesvara đã sinh ra Uroja, vị vua của thế giới này. Từ Uroja, sinh ra Dharmaraja vận tốt và trí tuệ. Từ Dharmaraja sinh ra vị vua thông tuệ Sri Rudravarman. Người con trai của vị vua này là vị vua lừng danh Sri Bhadravarman. Người con trai của Sri Bhadravarman được biết đến với cái tên là Sri Indravarman đã trở thành vua của Campa nhờ ơn huệ của Mahesvara” [Ngô Văn Doanh, 2015: 10].

Nhìn chung, vương triều Indrapura không chỉ khẳng định quyền lực, sự phát triển của Bắc Champa mà còn tạo lên sự thay đổi lớn đối với

đời sống xã hội của người dân Champa, đó là vai trò của Phật giáo trở nên rất quan trọng: “Đến vương triều Indrapura, Phật giáo gần như trở thành tôn giáo chính của cả vương triều. Ngay bản thân các bài bi ký của Indravarman II và của các vua tiếp sau đều mang đậm dấu ấn Phật giáo. Các văn bi nói nhiều tới nỗi khổ đau của con người và sự luân hồi, nói tới cõi Niết bàn tuyệt diệu, nói tới tăng đoàn Phật giáo... Còn bản thân đức vua Indravarman II thì lại lấy tên Phật hiệu Paramabuddhaloka làm miếu hiệu cho mình” [Ngô Văn Doanh, 2015: 11].

Ở một phương diện khác, có thể nói, kinh đô Indrapura với sự hiện diện của Bàlamôn giáo và nhất là Phật giáo, được xem như một kinh đô thiêng: “Sau nhiều năm nghiên cứu các di tích thành cổ của Champa, chúng tôi nhận thấy, thành Indrapura (hay thành Đồng Dương) là một trong những toà đô được xây dựng theo mô hình đô thành thiêng hay đô thành của thần linh có nguồn gốc Ấn Độ khá điển hình và rất phổ biến ở khu vực Đông Nam Á thời cổ” [Ngô Văn Doanh, 2015: 23]. Cũng theo Ngô Văn Doanh, ở Ấn Độ cổ đại thì các đô thị, nhất là nơi được lựa chọn làm trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của một quốc gia thì các yếu tố tôn giáo, ở đây là Bàlamôn giáo, thường tác động đến người đứng đầu. Vì thế, vua được xem là hoá thân của thần linh và do đó, trong kinh thành thường hiện diện hai khu vực quan trọng mang ý nghĩa biểu tượng là cung điện và đền thờ. Các nước ở Đông Nam Á khi tiếp nhận và chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, các vị thủ lĩnh hay các vị vua cũng có quan niệm “thần vua” (deva-raja). Quan niệm này đã thôi thúc họ xây dựng các đền thờ các vị thần cùng các triết lý tôn giáo, đồng thời tạo ra một tầng lớp chuyên đảm nhận các nghi thức cung đình và nghi lễ tôn giáo liên quan đến vương quyền. Theo đó, “Trong đô thành thiêng, cung điện và các đền thờ chính, nhìn chung, đều nằm ở trung tâm, và xung quanh các cụm kiến trúc trên, là những dinh thự của những tầng lớp “tinh hoa” và các “viên chức”. Quanh khu vực trung tâm là đường phố của những người thợ, những người sản xuất, những người bán đồ châu báu, những người làm binh khí. Các cộng đồng những thương nhân nước ngoài được bố trí cho ở tại những khu ở bên ngoài tường thành cùng với những người nghèo khó. Như vậy, sự sắp xếp quyền lực và cấu trúc xã

hội của một đô thành thiêng là sự phản ánh về sự phân hạng uy tín từ trung tâm ra ngoại vi” [Ngô Văn Doanh, 2015: 24].

Nhìn chung, Phật giáo phát triển thịnh vượng ở vương triều Indrapura là kết quả của một tiến trình du nhập và phát triển lâu dài của Phật giáo ở Champa, từ những năm đầu Công nguyên. Từ thế kỷ thứ IV cho đến thế kỷ thứ VIII, mặc dù Phật giáo Nguyên thủy vẫn hiện diện, nhưng lúc này cũng là thời kỳ Phật giáo Đại thừa phát triển mạnh ở Đông Nam Á, trong đó có Champa. Ngô Văn Doanh đã chỉ ra, Phật giáo Đại thừa phát triển rộng khắp Đông Nam Á rất liên quan đến vương triều Pala tại Bengale và Magadha ở Ấn Độ vào giữa thế kỷ VIII. Đó là các sự kiện như: “năm 775, vua Srivijaya ở Mã Lai xây dựng đền thờ đức Phật và Bồ tát Padmapani, Vajrapani; năm 778, vua Panangkaran xây dựng đền thờ Phật bà Tara ở Java; năm 791, dựng tượng Bồ tát Lokeshvara ở Prasat Ta Keam (Campuchia). Tiêu biểu nhất là ngôi đền tháp vĩ đại Borobudur được xây dựng ở Java vào nửa cuối thế kỷ VIII,... có thể, nhiều vị tăng nhân đến tu học tại Viện Phật giáo Nalanda thuộc vương quốc Magadha, và từ đây Phật giáo Đại thừa tiếp tục được phổ biến rộng ở nhiều nơi ở Đông Nam Á với khuynh hướng thiên về Mật giáo. Bởi Kim Cương thừa (Vajrayana) đang thịnh hành ở Bengale” [Ngô Văn Doanh, 2015: 11-12]. Đặc điểm này cũng đã hiện diện rõ nét ở bi ký Phật viện Đồng Dương. Thậm chí bi ký còn nêu, vua Indrapura còn có tên là Laksmindra – Bhumiśvara - Lokeshvara, tên thụy Param-abuddhaloka, tên tấn phong là Indravarman và tượng của ông là Indraparameśvara.

Nhưng các bi ký cũng thiếu nhiều thông tin và cần sự tổng hợp, so sánh các thông tin khác để có thêm suy luận như: “Ngoài việc ca tụng tài năng, đức độ và các công việc tiến cúng ra, các bi ký không cho biết những thông tin cụ thể khác, như năm lên ngôi và năm mất, về vị vua đầu tiên của vương triều Indrapura là Indravarman II. Thế nhưng, chắc chắn vị vua đầu triều này đã trị vì hơn một chục năm (ít nhất là từ năm 875 đến năm 889). Dưới thời trị vì của ông, vương quốc Champa hẳn là khá mạnh, vì, theo các sử sách Trung Quốc (Cựu Đường thư), vào các năm 861, 862 và 865, quân Champa đã ba lần tấn công phủ An Nam. Theo G. Maspero, vào cuối đời mình, Indravarman

II phải đẩy lùi một cuộc xâm lăng của người Khome, do đích thân vua Yasovarman II chỉ huy” [Ngô Văn Doanh, 2015: 12].

Kết luận

Phật giáo thực sự phát triển mạnh và để lại dấu ấn nhiều nhất trong lịch sử vương quốc Champa từ cuối thế kỷ IX, đầu thế kỷ X. Để có dấu ấn này, đương nhiên không phải là sự “đột khởi” mà là một quá trình Phật giáo thâm nhập vào Champa và phát triển qua nhiều thế kỷ.

Trên phương diện phân bố bi ký, nhất là các bi ký thuộc vương triều Indrapura (vương triều Phật giáo Champa điển hình) đã cho thấy sự ảnh hưởng rộng lớn của Phật giáo. Trong đó, trung tâm chính ở Đồng Dương và nhiều trung tâm nhỏ hơn ở Quảng Bình, Quảng Trị (ngày nay), là nơi mà Phật giáo Đại thừa được triều đình và người Champa rất ưa chuộng.

Nhiều thông tin từ bi ký cho thấy, Phật giáo Đại thừa có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội, nhất là thời kỳ vua Indravarman II trị vì. Hình tượng Bồ tát (Lokesvara) được nhắc thường xuyên đã cho thấy điều này. Tuy nhiên, hình tượng Bồ tát dù xuất hiện nhiều qua các bi ký, nhưng không có nghĩa là ở Champa không có Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh đó, nội dung bi ký còn phản ánh việc Phật giáo và Bàlamôn giáo đều cùng được chính quyền tôn sùng nhằm củng cố quyền lực của nhà vua. Trong đó, niềm tin Phật giáo góp phần tạo ra sự cân bằng giữa hai thế giới con người và thiên nhiên, và thực sự làm cho văn hoá Champa thăng hoa và để lại nhiều di sản quý giá sau nhiều thăng trầm lịch sử.

Sự phát triển thịnh vượng của Phật giáo Đại thừa ở Champa dưới vương triều Indravarman II qua nhiều biến động chính trị, chiến tranh rồi dần suy tàn. Song, qua nội dung nhiều bi ký có thể thấy, triều đình và người dân đã dành nhiều tài lực để xây dựng nhiều tự viện Phật giáo, nhất là ở vương triều Indrapura. Tuy nhiên, bi ký không cho chúng ta hình dung rõ được toàn bộ tình hình sinh hoạt Phật giáo ở các trung tâm nhỏ hơn trung tâm Phật giáo Đồng Dương thời Champa.

Tóm lại, qua bi ký cho chúng ta thấy vai trò của Phật giáo Đại thừa tuy không xuyên suốt lịch sử Champa, nhưng đã để lại dấu ấn đậm nét trong niềm tin, thực hành của triều đình và người dân thông qua nhiều “diễn ngôn” về Phật giáo, nhất là về việc xây dựng các công trình Phật

giáo đồ sộ với nhiều giá trị nghệ thuật độc đáo mà đến nay, chúng còn được lưu giữ ở nhiều tỉnh thành miền Trung Việt Nam, trong đó, phế tích Đồng Dương là ví dụ tiêu biểu./.

CHÚ THÍCH:

1. Bi ký Võ Cạnh (ký hiệu B2.1 = C.40), tấm bi cổ nhất được tìm thấy ở Việt Nam, được phát hiện bên cạnh nền móng một công trình bằng gạch ở giữa hai làng Phú Văn và Phú Vinh, thuộc tổng Xương Hà, Vĩnh Xương, Khánh Hòa (địa điểm này ngày nay là làng Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa). Tấm bi ký này được Viện Viễn Đông Bác cổ đưa về Hà Nội từ năm 1910 và hiện được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Tấm bi có 4 mặt (trong đó có 3 mặt khắc chữ) cao khoảng 2,7m, rộng 0,72m, dài 0,67m, độ dày khoảng chừng 1,1m – 0,8m, tấm bi có 15 dòng chữ, mỗi dòng cao khoảng 4cm. Xin xem: Đồng Thành Danh (2023), *Nagara Champa – những phác thảo về lịch sử và nền văn minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.158.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acri, Andrea (2016), *Esoteric Buddhism in Mediaeval Maritime Asia, Networks of Masters, Texts, Icons*, Publisher: ISEAS Publishing
2. Phan Xuân Biên (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
3. Đồng Thành Danh (2023), *Nagara Champa – những phác thảo về lịch sử và nền văn minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
4. Ngô Văn Doanh (2015), *Phật viện Đồng Dương một phong cách của nghệ thuật Champa*, Nxb. Văn hoá – nghệ thuật, Hà Nội
5. Georges Maspero (2020), *Vương quốc Champa*, Bảo tàng lịch sử quốc gia dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
6. Nguyễn Duy Hình (1988), “Đền Độc Cước dấu chân thần – biểu tượng Phật”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1-2
7. L. Finot, *Bi Võ Cạnh (Khánh Hoà)*, BEFEO, tập XV
8. L. Finot (1901), “La religion des Chams d'après les monuments”, *BEFEO I*
9. Louis Finot (1904), *Inscriptions du Quảng Nam*, BFEO, Tome IV
10. R. C. Majumdar (1976), *The Inscriptions of Champa*, New Delhi
11. R. C. Majumdar (1985), *Champa History & Culture of an Indian Colonial Kingdom in the Far East 2nd-16th Century A.D.* Delhi, Gian Publ. House
12. Lương Ninh (2004), *Lịch sử vương quốc Champa*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội
13. Nguyễn Hữu Mạnh, Mai Bùi Diệu Linh (2019), "Tiểu phẩm Phật giáo Champa ở núi Chồi, Quảng Ngãi", *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 5, số 6
14. Lê Trọng Khánh (1993), *Bi Võ Cạnh*, NPHMKCH

15. Thông Thanh Khánh (1999), *Dấu ấn Phật giáo Champa*, Nxb. Mũi Cà Mau
16. Quảng Văn Sơn (2014), “Phật giáo Champa từ tư liệu đến nhận thức”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6
17. Trần Kỳ Phương (2004), "Góp phần tìm hiểu về nền văn minh của vương quốc cổ Chămpa tại miền Trung Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển*, số 3
18. GS.TS. Pièree-Bernard Lafont (2012), *Vương quốc Champa: Địa dư, dân cư và lịch sử*, International Office of Champa, Tái bản dùng cho hệ thống mạng Web Champaka.info
19. Cao Quang Tổng (2021), *Phật viện Đồng Dương và kinh đô Indrapura*, Nxb. Đà Nẵng.

Abstract

CHAMPA BUDDHISM THROUGH INSCRIPTIONS' MATERIALS

Nguyen Van Quy

Institute for Religious Studies, VASS

Many Cham cultural and religious relics have existed, especially the unique monuments related to beliefs and religions throughout history. Besides, most of these works have been damaged and some have become ruins. Based on the results of archaeological excavations from the early twentieth century to the present and the existing temples, and monasteries, the article shows that Champa beliefs and religions were mainly influenced by the ancient Indian culture and religions such as Brahmanism and Buddhism, however, they had their unique characteristics. On the one hand, the kings, mandarins, and aristocrats consolidated power through religion, demonstrated through many massive religious works; on the other hand, they were also believers. For example, Buddhism was considered the mainstream religion during the reign of King Indravarman II. Through inscriptional documents, this article indicates the picture of Champa Buddhism, especially during the reign of King Indravarman II of the Indrapura dynasty.

Keywords: Buddhism, Champa Buddhism, inscriptions, King Indravarman II.